

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO**

Số: 18/2017/TT-BGDĐT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2017

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH ĐIỀU KIỆN, NỘI DUNG, HÌNH THỨC THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC GIẢNG DẠY TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CÔNG LẬP

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

*Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về
tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức
năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ tại Công văn số 2785/BNV-CCVC ngày 26 tháng 5
năm 2017 về việc dự thảo Thông tư Quy định điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức
danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;*

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục,

*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Quy định điều kiện, nội dung, hình thức
thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học
công lập.*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập từ giảng viên (hạng III) lên giảng viên chính (hạng II) và từ giảng viên chính (hạng II) lên giảng viên cao cấp (hạng I).
2. Thông tư này áp dụng đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp; tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Đối với viên chức giảng dạy trong các trường cao đẳng sư phạm công lập được áp dụng quy định tại Thông tư này để tham gia dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Điều 2. Nguyên tắc thi thăng hạng

1. Việc cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và nhu cầu của cơ sở giáo dục đại học công lập.

2. Việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều kiện dự thi

Viên chức được cử đi dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên khi có đủ các điều kiện sau:

1. Cơ sở giáo dục đại học công lập có nhu cầu và được cấp có thẩm quyền cử đi dự thi.
2. Đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03 đối với viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02; đang giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), mã số V.07.01.02 đối với viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), mã số V.07.01.01.
3. Được thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học đánh giá có đủ phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp; hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian 03 (ba) năm liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự thi; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.
4. Có đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập.

Điều 4. Miễn thi ngoại ngữ trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Miễn thi ngoại ngữ đối với viên chức thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đã học tập, nghiên cứu toàn thời gian ở nước ngoài và được cấp bằng đại học, bằng thạc sĩ hoặc bằng tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài sử dụng một trong các ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc trong đào tạo; văn bằng đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định hiện hành.

b) Đã có bằng tốt nghiệp đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ thuộc một trong các ngôn ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc.

c) Đã có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu) hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế TOEFL PBT 450 điểm, TOEFL CBT 133 điểm, TOEFL iBT 45 điểm, IELTS 4,5 điểm trở lên đối với thi thăng hạng giảng viên (hạng III) lên giảng viên chính (hạng II); chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu) hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế TOEFL PBT 500 điểm, TOEFL CBT 173 điểm, TOEFL iBT 61 điểm, IELTS 5,5 điểm trở lên đối với thi thăng hạng giảng viên chính (hạng II) lên giảng viên cao cấp (hạng I).

Các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại điểm này còn trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi.

2. Đối với giảng viên chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài thì các quy định miễn thi ngoại ngữ tại khoản 1 Điều này phải là ngôn ngữ khác với chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài đang giảng dạy.

Điều 5. Miễn thi tin học trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Miễn thi tin học đối với viên chức đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành tin học hoặc công nghệ thông tin trở lên.

Chương II

NỘI DUNG, HÌNH THỨC THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIẢNG VIÊN (HẠNG III) LÊN GIẢNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II)

Điều 6. Bài thi kiến thức chung

1. Nội dung thi:

a) Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo nói chung và giáo dục đại học nói riêng;

b) Xu hướng quốc tế, chiến lược, chính sách phát triển giáo dục đại học của Việt Nam;

c) Các chính sách và quản lý nhà nước về giáo dục đại học;

d) Vấn đề đổi mới quản lý giáo dục đại học và quản trị nhà trường;

đ) Quan điểm, định hướng chiến lược phát triển các ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của nhà trường;

e) Pháp luật về viên chức phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II);

g) Dung lượng kiến thức của đề thi và nội dung thi về lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 70%, về pháp luật viên chức là 30%.

2. Hình thức thi: Tự luận.

3. Thời gian thi: 180 phút.

Điều 7. Bài thi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ

1. Nội dung thi: Viên chức dự thi trình bày báo cáo tổng quan về kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học của viên chức từ khi được bổ nhiệm vào chức danh đang giữ cho đến thời điểm đăng ký dự thi thăng hạng, trao đổi các vấn đề về chuyên môn thuộc lĩnh vực đảm nhiệm.

2. Hình thức thi: Thuyết trình và phỏng vấn trực tiếp.

3. Thời gian thi thuyết trình và phỏng vấn: 30 phút/người.

Điều 8. Bài thi ngoại ngữ

1. Nội dung thi: Các kỹ năng đọc hiểu, viết ở trình độ bậc 3 (B1) theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), do viên chức đăng ký một trong các ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc.

Trường hợp là giảng viên chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài thì phải thi ngoại ngữ thứ hai ở trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1) theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II).

2. Hình thức thi: Viết.

3. Thời gian thi: 90 phút.

Điều 9. Bài thi tin học

1. Nội dung thi: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II).

2. Hình thức thi: Trắc nghiệm hoặc thực hành trên máy vi tính.

3. Thời gian thi: 45 phút.

Chương III

NỘI DUNG, HÌNH THỨC THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIẢNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II) LÊN GIẢNG VIÊN CAO CẤP (HẠNG I)

Điều 10. Bài thi kiến thức chung

1. Nội dung thi:

a) Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo nói chung và giáo dục đại học nói riêng;

b) Xu hướng quốc tế, chiến lược, chính sách phát triển giáo dục đại học của Việt Nam;

c) Các chính sách và quản lý nhà nước về giáo dục đại học;

d) Vấn đề đổi mới quản lý giáo dục đại học và quản trị nhà trường;

đ) Quan điểm, định hướng chiến lược phát triển các ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của nhà trường;

e) Pháp luật về viên chức phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I);

g) Dung lượng kiến thức của đề thi và nội dung thi về lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 70%, về pháp luật viên chức là 30%.

2. Hình thức thi: Tự luận.

3. Thời gian thi: 180 phút.

Điều 11. Bài thi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ

1. Nội dung thi: Viên chức dự thi trình bày báo cáo tổng quan về kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học của viên chức từ khi được bổ nhiệm vào chức danh đang giữ cho đến thời điểm đăng ký dự thi thăng hạng, trao đổi các vấn đề về chuyên môn thuộc lĩnh vực đảm nhiệm.

2. Hình thức thi: Thuyết trình và phỏng vấn trực tiếp.

3. Thời gian thi thuyết trình và phỏng vấn: 30 phút/người.

Điều 12. Bài thi ngoại ngữ

1. Nội dung thi: Các kỹ năng đọc hiểu, viết, nghe và nghe nói (hội thoại) ở trình độ bậc 4 (B2) theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I), do viên chức đăng ký một trong các ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc.

Trường hợp là giảng viên chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài thì phải thi ngoại ngữ thứ hai ở trình độ ngoại ngữ bậc 4 (B2) theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I).

2. Hình thức thi: Viết và phỏng vấn (hội thoại).

3. Thời gian thi: Viết 90 phút và phỏng vấn (hội thoại) 15 phút.

Điều 13. Bài thi tin học

1. Nội dung thi: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I).
2. Hình thức thi: Trắc nghiệm hoặc thực hành trên máy tính.
3. Thời gian thi: 45 phút.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học căn cứ vào điều kiện quy định tại Thông tư này theo thẩm quyền được giao cử viên chức tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp và chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
2. Viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp được tổ chức trước ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa yêu cầu phải có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày công bố kết quả thi thăng hạng thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức phải có trách nhiệm cử viên chức đã tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập tham dự khóa bồi dưỡng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp dự thi. Trường hợp viên chức được cử đi bồi dưỡng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp dự thi mà không tham gia khóa bồi dưỡng hoặc kết quả học tập không đạt yêu cầu thì cơ quan có thẩm quyền không bổ nhiệm viên chức vào hạng chức danh nghề nghiệp trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng và không bảo lưu kết quả kỳ thi đã tham dự.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2017.
2. **Quyết định số 44/1999/QĐ-BGD&ĐT** ngày 29 tháng 12 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định nội dung và hình thức thi nâng ngạch giảng viên lên ngạch giảng viên chính trong các trường đại học và cao đẳng hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

- Văn phòng Trung ương và Các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương các đoàn thể;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Hội đồng Quốc gia giáo dục và Phát triển nhân lực;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Bộ trưởng, Thứ trưởng và các Vụ, Cục, tổ chức thuộc Bộ GD&ĐT;
- Sở GD&ĐT, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các cơ sở giáo dục đại học công lập, các trường cao đẳng Sư phạm;
- Website Bộ GD&ĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục NGCBQLGD (25b).

Bùi Văn Ga